

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BGDDĐT-GDTEX
V/v hướng dẫn báo cáo tổng kết,
đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm
vụ năm học 2021-2022 đối với Giáo
dục thường xuyên

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố¹

Căn cứ Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT ngày 24/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2021-2022 của ngành Giáo dục; Công văn số 3677/BGDĐT-GDTEX ngày 26/8/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 đối với Giáo dục thường xuyên (GDTX); và thực hiện Kế hoạch 518/KH-BGDĐT của Bộ GDĐT ngày 16/5/2022 về việc tổ chức Hội nghị tổng kết năm học 2021 – 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 đối với GDTX, Bộ GDĐT đề nghị các Sở GDĐT thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

1. Báo cáo tổng kết năm học 2021 – 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 đối với GDTX theo các nội dung của các nhiệm vụ hướng dẫn trong Công văn số 3677/BGDĐT-GDTEX (theo Đề cương và các phụ lục gửi kèm theo). Đồng thời, báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua đối với GDTX theo Công văn số 5249/BGDĐT-TĐKT ngày 15/11/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua các khối Sở GDĐT.

2. Báo cáo số liệu về GDTX: Yêu cầu các địa phương báo cáo số liệu theo các phụ lục của báo cáo tổng kết và đồng thời cập nhật số liệu về GDTX trực tuyến trên hệ thống Google drive tại địa chỉ: <https://bit.ly/csdlgdtx2021-2022>. Số liệu báo cáo được Bộ GDĐT sử dụng để tổng hợp và xây dựng các bảng phụ lục số liệu kèm theo báo cáo tổng kết của ngành, do đó đề nghị các Sở GDĐT tự chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các số liệu đã báo cáo.

Báo cáo tổng kết năm học 2021 - 2022 đối với GDTX và báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua đối với GDTX được gửi về Bộ GDĐT (bản dấu đỏ gửi về Vụ Giáo dục thường xuyên - 35 Đại Cồ Việt, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội và bản mềm gửi theo địa chỉ thư điện tử: vugdtx@moet.gov.vn) trước ngày 25/6/2022.

Thông tin chi tiết xin liên hệ ông Dương Quang Hải, chuyên viên Vụ GDTX (ĐT: 0981400781, e-mail: dqhaigdtx@moet.gov.vn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Hữu Độ (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDTX.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN



Hoàng Đức Minh

¹ Đối với tỉnh Bạc Liêu là Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tổng kết năm học 2021-2022 đối với GDTX

(Kèm theo Công văn số 2078/BGDĐT-GDTX ngày 19 tháng 5 năm 2022

của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND TỈNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 2022

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO¹

Về đánh giá kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022
đối với Giáo dục thường xuyên

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021-2022 ĐỐI VỚI GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

I. Tình hình chung thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022

- Khái quát tình hình chung thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 đối với Giáo dục thường xuyên.

1. Về quy mô, mạng lưới các cơ sở GDTX².

2. Về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

3. Về đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cụ thể năm học 2021-2022 đối với Giáo dục thường xuyên

1. Triển khai các giải pháp phù hợp trong tổ chức các hoạt động dạy và học để chủ động thích ứng với tình hình dịch bệnh Covid-19

- Tình hình thực hiện và các giải pháp phù hợp trong tổ chức các hoạt động dạy và học để chủ động, linh hoạt, thích ứng và phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19 tại địa phương.

- Duy trì hoạt động dạy và học của các cơ sở GDTX đảm bảo đủ thời lượng, kiến thức, kỹ năng cho học viên để hoàn thành chương trình năm học và đảm bảo yêu cầu của công tác phòng chống dịch bệnh.

¹ Đề cương báo cáo theo nội dung Công văn 3677/BGDĐT-GDTX ngày 26/8/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 đối với Giáo dục thường xuyên. Báo cáo cần có dẫn chứng, minh chứng rõ ràng (Công văn, văn bản tham mưu, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn kèm theo số công văn, ngày tháng cụ thể, ...)

² Trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX, trung tâm HTCĐ, trung tâm NNTH và các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ GDTX.

2. Kết quả triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 1373 và Chỉ thị 14

- Tham mưu UBND ban hành kế hoạch thực hiện Đề án 1373³ và ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện; ký kết các chương trình phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan để triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện Đề án 1373 của tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập trong nền kinh tế số, xã hội số và phát triển các mô hình học tập trong cộng đồng; Kết quả việc tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2021 và Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam theo hướng dẫn của Bộ GDĐT⁴.

- Kết quả việc về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã theo Thông tư số 44/2014TT-BGDĐT;

- Tham mưu UBND triển khai thực hiện Thông tư số 22/TT-BGDĐT; Kết quả về đánh giá, xếp loại “Đơn vị học tập”.

- Việc triển khai Đề án “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 329/QĐ-TTg.

- Kết quả công tác chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, Hội khuyến học tỉnh, các sở, ban ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập ở các địa phương trong tỉnh.

3. Kết quả công tác xóa mù chữ gắn với kết quả bền vững và đảm bảo chất lượng

- Kết quả công tác điều tra, rà soát người mù chữ, người tái mù chữ trên địa bàn.

- Đối với công tác xóa mù chữ: Kế hoạch mở lớp xóa mù chữ (và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (GDTTSKBC); hình thức tổ chức dạy học; công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên phù hợp với tình hình thực tiễn; việc vận động, huy động người mù chữ tham gia học tập tại các trung tâm HTCĐ. Số lớp học XMC đã mở được và số lượng người mù chữ trong độ tuổi 15-35, 15-60, GDTTSKBC đã huy động được ra lớp học XMC trong năm học 2021-2022. Tỷ lệ số người trong độ tuổi 15-35, 15-60 đạt chuẩn XMC mức độ 1 (hoàn thành chương trình XMC), mức độ 2 (hoàn thành chương trình GDTTSKBC).

- Việc triển khai thực hiện chương trình xóa mù chữ theo Thông tư 33/2021/TT-BGDĐT.

- Kết quả chỉ đạo XMC theo Công văn số 4934/BGDĐT-GDĐT, kết quả kiểm tra công tác XMC và kiểm tra công nhận đơn vị cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn XMC.

4. Kết quả đổi mới công tác quản lý đối với các cơ sở GDĐT

³ Theo hướng dẫn của Công văn số 3320/BGDĐT-GDĐT ngày 06/8/2021 của Bộ GDĐT về việc triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”

⁴ Công văn số 1139/BGDĐT-GDĐT ngày 28/3/2022

- Kết quả đổi mới công tác quản lý: Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ của các đơn vị gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

- Kết quả công tác phối hợp với các đơn vị có liên quan để tăng cường thanh tra, kiểm tra việc liên kết đào tạo tại các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX.

- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức đánh giá, xếp loại học viên theo học Chương trình GDTX.

- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các trung tâm HTCD; trung tâm tin học, ngoại ngữ; trung tâm giáo dục kỹ năng sống và các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ GDTX (nếu có).

- Kết quả của việc thực hiện công tác chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, gắn với đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy và học trong các cơ sở GDTX.

5. Kết quả thực hiện các chương trình giáo dục trong các cơ sở GDTX

- Trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX:

- Công tác chỉ đạo các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX triển khai thực hiện chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT trong năm học 2021-2022.

- Số liệu học viên tại từng cấp học

- Xây dựng kế hoạch Giáo dục; công tác tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học để đảm bảo tổ chức hiệu quả dạy học trực tuyến; Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo việc giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá trực tuyến; công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên để tiến hành dạy học trực tuyến, ...

- Kết quả của việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII, Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Giải pháp để ổn định tâm lý, tư tưởng của học viên bị tác động do tình hình dịch bệnh kéo dài; tăng cường phối hợp giữa trung tâm - gia đình học viên trong việc quản lý, hỗ trợ học viên trong việc học trực tuyến tại nhà.

- Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCD)

- Kết quả của công tác đổi mới hình thức khảo sát, điều tra nhu cầu học tập của người dân; công tác tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức cho người dân.

- Số liệu học viên tham gia bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, dạy nghề ngắn hạn tại các TTHTCD.

- Kết quả công tác phối hợp, liên kết của trung tâm HTCD với các ngành, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục, cơ sở văn hóa thể thao trong việc tổ chức các lớp XMC gắn với dạy nghề truyền thống, bồi dưỡng, dạy nghề ngắn hạn và phát triển cộng đồng.

- Trung tâm ngoại ngữ, tin học (TTNNTH)

- Số liệu học viên tại các cơ sở công lập, ngoài công lập (tư thực).

- Kết quả việc chỉ đạo các TTNNTH thực hiện việc xây dựng chương trình, tài liệu và giảng dạy.

- Kết quả việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học trực tuyến.

- Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên.

- Số liệu học viên tại các Trung tâm giáo dục kỹ năng sống (TTGDKNS); số liệu học viên tại các trung tâm khác (nếu có)

- Kết quả việc chỉ đạo các trung tâm thực hiện việc xây dựng chương trình, tài liệu và giảng dạy.

- Kết quả việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học (trực tuyến/trực tiếp).

6. Kết quả đổi mới và thực hiện các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học viên

Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện các chương trình giáo dục trong các cơ sở GDTX. Tiếp tục đổi mới và thực hiện các phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học viên/người học:

- Kết quả đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học viên/người học; khuyến khích giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực; đa dạng các hình thức tổ chức dạy học.

- Kết quả của việc tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.

- Kết quả tổ chức đánh giá, xếp loại học viên theo học Chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT theo quy định.

- Kết quả việc thực hiện xây dựng đề thi, đề kiểm tra dựa trên các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với môn học quy định trong Chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT hiện hành.

7. Kết quả việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công tác viên trong các cơ sở GDTX

- Kết quả việc rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ GV và CBQL và việc tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên dạy các môn văn hóa chuẩn bị cho việc thực hiện Chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT (mới).

- Kết quả việc thực hiện bồi dưỡng đội ngũ GV và CBQL việc thực hiện Chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT (mới) theo lộ trình đổi mới Chương trình GDPT 2018; bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công tác viên của các cơ sở GDTX đáp ứng yêu cầu đổi mới GDTX (như điều tra nhu cầu học tập, xây dựng chương trình học, tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá, vận động sự tham gia của cộng đồng, ...)

- Kết quả công tác chỉ đạo việc tổ chức bồi dưỡng, giáo dục cho người lớn, liên kết đào tạo của các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX; kết nối và chia sẻ học liệu mở, đào tạo trực tuyến; đa dạng hoá hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại trung tâm.

- Kết quả công tác chỉ đạo các trung tâm NNTH, trung tâm GDKNS tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL và GV của trung tâm GDTX, trung tâm HTCĐ.

- Công tác tham mưu với UBND các cấp có cơ chế khuyến khích các nhà giáo, nhà khoa học, chuyên gia giỏi, giàu kinh nghiệm trên mọi lĩnh vực, thu hút tham gia vào hoạt động GDTX.

8. Kết quả củng cố, phát triển mạng lưới các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX; tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động GDĐT đối với các cơ sở GDTX

- Công tác tham mưu với UBND tỉnh củng cố, phát triển mạng lưới các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn; sắp xếp, kiện toàn các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX theo đúng quy định của pháp luật, các Nghị quyết của Trung ương và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT⁵.

Về cơ sở vật chất

- Kết quả rà soát đánh giá và công khai các điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động GDĐT đối với các cơ sở GDTX; Kế hoạch tăng cường CSVC, thiết bị dạy học để thực hiện các chương trình GDTX

- Công tác tham mưu với UBND cấp tỉnh, cấp huyện quan tâm đầu tư xây dựng CSVC, trang thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin cho các trung tâm GDTX trong năm học.

- Kết quả việc huy động có hiệu quả các nguồn lực từ cộng đồng và các tổ chức kinh tế - xã hội cho các hoạt động của các cơ sở GDTX; kết quả việc khuyến khích các cơ sở GDTX công lập thực hiện theo hướng tự chủ, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

9. Kết quả công tác truyền thông, thi đua, khen thưởng

- Kết quả công tác truyền thông, tuyên truyền về các hoạt động của các cơ sở GDTX, về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

- Kết quả việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ trong năm học 2021-2022 đối với GDTX (biểu dương, ghi nhận, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có sáng kiến, giải pháp, mô hình sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập; tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến mô hình cơ sở GDTX hoạt động hiệu quả trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch Covid-19).

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

2. Hạn chế, tồn tại (nếu có)

3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế (nếu có)

3. Bài học kinh nghiệm (nếu có).

⁵ Công văn số 162/BGDĐT-GDTX ngày 18/1/2017 về việc thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ với Hội Khuyến học Việt Nam; Công văn số 943/BGDĐT-GDTX ngày 12/03/2019 về việc sắp xếp, tổ chức và quản lý hiệu quả các trung tâm GDTX

PHẦN II

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2022-2023 ĐỐI VỚI GIÁO
DỤC THƯỜNG XUYÊN**

(Nêu cụ thể trên từng lĩnh vực, các giải pháp thực hiện trong thời gian tới)

1. Mục tiêu chung
2. Mục tiêu cụ thể
3. Nhiệm vụ trọng tâm trong năm học 2022-2023 đối với GDTX
4. Giải pháp.

PHẦN III

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kiến nghị, đề xuất và giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công tác năm
2022-2023 đối với GDTX

1. Kiến nghị (nếu có)
2. Đề xuất (nếu có).

THÔNG KÊ SỐ LIỆU NĂM HỌC 2021-2022 ĐỐI VỚI GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Công văn số 2078/BGDĐT-GDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phụ lục 1

THÔNG KÊ SỐ LIỆU MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Tổng số trung tâm	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1. Trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX)		trung tâm		
Chia ra: - TT GDTX		"		
- TT GDNN - GDTX		"		
2. Trung tâm học tập cộng đồng (HTCĐ)		"		
3. Trung tâm ngoại ngữ - tin học (NN - TH)		"		
Chia ra: - TT NN - TH (công lập)		"		
Trong đó, số trung tâm NN-TH trong các cơ sở đào tạo (Trường ĐH, CĐSP)		"		
- TT NN - TH (ngoài công lập, có vốn đầu tư trong nước)		"		
- TT NN - TH (ngoài công lập, có vốn đầu tư nước ngoài theo Nghị định 86/2018/NĐ-CP)		"		
Trong tổng số chia ra, có: - Trung tâm ngoại ngữ (NN)		"		
- Trung tâm tin học (TH)		"		
4. Trung tâm giáo dục kỹ năng sống (KNS)		"		
Trong đó: - TT KNS có vốn đầu tư nước ngoài theo Nghị định 86/2018/NĐ-CP		"		
5. Trung tâm bồi dưỡng văn hóa		"		
6. Các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ GDTX (nêu cụ thể, ngoài các trung tâm đã nêu từ mục 1 đến 5)		"		

Phụ lục 2
THÔNG KÊ SỐ LIỆU NGƯỜI HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
			Nữ	Dân tộc
Học viên học tại các cơ sở Giáo dục thường xuyên	người			
1. Số học viên tại các trung tâm giáo dục thường xuyên (TT GD TX, TT GD NN-GD TX)	"			
1.1. - Số học viên học Chương trình GD TX cấp THCS	"			
Trong đó: - Số HV là người lao động (từ 18 tuổi trở lên)	"			
Chia ra: - Lớp 6	"			
- Lớp 7	"			
- Lớp 8	"			
- Lớp 9	"			
- Tổng số học viên bỏ học	"			
1.2. - Học viên học Chương trình GD TX cấp THPT	"			
Trong đó, Số HV là người lao động (từ 18 tuổi trở lên)	"			
Chia ra: - Lớp 10	"			
Trong đó: - HV học CT GD TX cấp THPT, kết hợp với học trung cấp nghề	"			
- Số HV là người lao động (từ 18 tuổi trở lên)	"			
- Lớp 11	"			
Trong đó: - HV học CT GD TX cấp THPT, kết hợp với học trung cấp nghề	"			
- Số HV là người lao động (từ 18 tuổi trở lên)	"			
- Lớp 12	"			
Trong đó: - HV học CT GD TX cấp THPT, kết hợp với học trung cấp nghề	"			
- Số HV là người lao động (từ 18 tuổi trở lên)	"			
- Tổng số học viên bỏ học	"			
1.3. - Học viên học các chương trình bồi dưỡng, liên kết đào tạo	"			
a. - Số học viên học bồi dưỡng tin học	"			

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
			Nữ	Dân tộc
Trong đó: + Số lượng người học được cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT trong nước + Số lượng người học được cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT nước ngoài	"			
	"			
b. - Số học viên học bồi dưỡng ngoại ngữ	"			
	"			
Trong đó: + Số lượng người học học tiếng Anh + Số lượng người học tiếng Anh được cấp chứng chỉ (do TT liên kết tổ chức thi, sát hạch cấp chứng chỉ, nêu cụ thể)	"			
	"			
c. - Số học viên học bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (DTTS) (nếu có)	"			
	"			
Trong đó: + Số lượng người học được cấp chứng chỉ tiếng DTTS	"			
	"			
d. - Số học viên học nghề ngắn hạn, nghề sơ cấp (3-6 tháng) (nếu có)	"			
	"			
e. - Số học viên học liên kết đào tạo để lấy bằng trung cấp chuyên nghiệp; bằng tốt nghiệp DH, CD (kể cả Chương trình hệ từ xa, đào tạo trực tuyến, nếu có)	"			
	"			
Chia ra: + Chương trình Trung cấp + Chương trình Cao đẳng, Đại học	"			
	"			
+ Số học viên học các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao năng lực nghề nghiệp (nếu có, theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT)	"			
	"			
f. - Số học viên các chương trình bồi dưỡng chuyên môn khác (nếu có)	"			
	"			
2. Số học viên tại trung tâm học tập cộng đồng (HTCD) Chia ra: - Số người học tham gia các lớp chuyên đề phổ biến cập nhật kiến thức, kỹ năng (không tính người học XMC) - Số người học tham gia các lớp bồi dưỡng thường xuyên khác (nếu có, nêu cụ thể)	"			
	"			
3. Số học viên tại Trung tâm ngoại ngữ, tin học Trong đó: - Số lượng học viên trên 18 tuổi học Chương trình ứng dụng CNTT	"			
	"			
- Số lượng người học Chương trình tin học ứng dụng khác (nêu cụ thể)	"			
	"			
- Số lượng học viên được cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT trong nước	"			
	"			
- Số người học ngoại ngữ tiếng Anh	"			
	"			
+ Học viên học ngoại ngữ tiếng Anh trên 18 tuổi + Học viên học ngoại ngữ Tiếng Anh tại các trung tâm trong các cơ sở đào tạo	"			
	"			
(Trường DH, CDSP) - Số lượng học viên học các ngoại ngữ khác (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga, Pháp, Đức, Nhật... nêu cụ thể)	"			
	"			

M

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
			Nữ	Dân tộc
- Số lượng người học tiếng Anh được cấp chứng chỉ trong nước (do TT liên kết tổ chức thi, sát hạch cấp chứng chỉ, nêu cụ thể)	"			
- Số lượng người học tiếng Anh được cấp chứng chỉ Quốc tế (do TT liên kết tổ chức thi, sát hạch cấp chứng chỉ, nêu cụ thể)	"			
4. Số học viên tại các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ GDTX	"			
4.1. Số học viên tại Trung tâm Giáo dục kỹ năng sống (GDKNS)				
Trong đó: + Số học viên là học sinh, sinh viên, ... học KNS tại các trường (MN, TH, THCS, ...)	"			
+ Học viên học KNS trên 18 tuổi	"			
4.2. Số học viên tại các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ GDTX (ngoài học GDKNS, nếu có)				

4

THÔNG KÊ SỐ LIỆU NGƯỜI HỌC XÓA MÙ CHỮ VÀ GIÁO DỤC TIẾP TỤC SAU KHI BIẾT CHỮ

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
			Nữ	Dân tộc thiểu số
Dân số và số người học xóa mù chữ (XMC)	người			
1. Tổng dân số trong độ tuổi 15 – 60	"			
Chia ra: + 15 - 35 tuổi	"			
+ 15 - 60 tuổi	"			
2. Số học viên học XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (GDTSKBC) trong năm học 2021-2022	"			
Chia ra: - Học viên học XMC	"			
- Số lớp XMC	lớp			
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"			
+ 15 - 60 tuổi	"			
- Học viên học GDTSKBC	"			
- Số lớp GDTSKBC	lớp			
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"			
+ 15 - 60 tuổi	"			
3. Số người đạt chuẩn biết chữ	"			
a. Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 (hoàn thành chương trình XMC)	"			
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"			
+ 15 - 60 tuổi	"			
b. Người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 (hoàn thành chương trình GDTSKBC)	"			
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"			
+ 15 - 60 tuổi	"			
4. Số người mù chữ	"			
Trong đó: + 15 - 35 tuổi	"			
+ 15 - 60 tuổi	"			
5. Đơn vị đạt chuẩn XMC	"			

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
			Nữ	Dân tộc thiểu số
a. Số đơn vị cấp xã/thị trấn đạt chuẩn XMC	xã			
	"			
	"			
b. Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn XMC	huyện			
	"			
	"			
c. Tỉnh đạt chuẩn XMC	tỉnh			
	"			
	"			

THÔNG KÊ SỐ LIỆU CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN TẠI CÁC CƠ SỞ GD TX

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
			Nữ	Dân tộc
Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (Tổng số (1) + (2) + (3)) 1. CBQL, GV, NV trung tâm GD TX, trung tâm GDNN-GD TX a. CBQL b. Giáo viên (GV) Chia ra: - GV dạy văn hóa - GV chuyên đề, dạy nghề Trong đó: - Biên chế - Hợp đồng lao động (thỉnh giảng) c. Nhân viên ⁽¹⁾ : Trong đó: - Biên chế - Hợp đồng lao động Chia ra: - Nhân viên thư viện - Nhân viên thí nghiệm - Nhân viên kỹ thuật nghiệp vụ ⁽²⁾ - Nhân viên khác 2. CBQL, GV, NV trung tâm NN, TH 2.1. Số CBQL - GV - NV trong cơ sở công lập Chia ra: - Cán bộ quản lý - Giáo viên	Người			
	"			
	"			
	"			
	"			
	"			
	"			
	"			
	"			
	"			
	"			
	"			

Nội dung

	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
			Nữ	Dân tộc
- Nhân viên	"			
2.2. Số CBQL - GV - NV trong cơ sở tư thục	"			
Chia ra: - Cán bộ quản lý	"			
- Giáo viên	"			
- Nhân viên	"			
3. CBQL, GV, công tác viên của THPTCD	"			
Chia ra: - Cán bộ quản lý:	"			
+ Giám đốc				
+ Phó Giám đốc				
- Giáo viên biệt phái	"			
- Báo cáo viên, công tác viên	"			

M

THÔNG KÊ SỐ LIỆU GIÁO VIÊN DẠY HỌC CÁC MÔN VĂN HÓA CHƯƠNG TRÌNH GD TX

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
			Biển chế	Hợp đồng lao động (thỉnh giảng)
Giáo viên dạy học các môn văn hóa Chương trình GD TX	Người			
1. Môn Ngữ văn	"			
2. Môn Toán	"			
3. Môn Vật lý	"			
4. Môn Hóa học	"			
5. Môn Sinh học	"			
6. Môn Lịch sử	"			
7. Môn Địa lý	"			
8. Môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	"			
9. Môn Công nghệ	"			
10. Môn Tiếng Anh	"			
11. Môn Tin học	"			

Chia ra

N

Phụ lục 5

THÔNG KÊ SỐ LIỆU CƠ SỞ VẬT CHẤT TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Trong đó: XD mới (3)
----------	--------	---------	-------------------------

Cơ sở vật chất tại các cơ sở GDTX			
1. TT GDTX, TT GDNN-GDTX	Phòng		
- Phòng học			
Chia ra: + Phòng kiến cố			
+ Phòng bán kiến cố			
+ Phòng học tâm			
- Phòng thí nghiệm			
- Phòng thư viện			
- Phòng máy tính			
2. Trung tâm ngoài ngữ, tin học	Phòng		
- Phòng học			
- Phòng chức năng (Phòng GB, phòng tuyển sinh, ...)			
- Phòng học chức năng (phòng máy tính, ...)			
3. THPT			
- Trụ sở hoặc văn phòng riêng (nếu có)	phòng		
- Tủ sách riêng	cái		
- Máy tính nối mạng Internet	bộ		

Ghi chú:

- (1) Bao gồm cả văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế, bảo vệ, thư viện, thí nghiệm và nhân viên phục vụ ...
 (2) Gồm những người hướng dẫn nghề trong các trường, xưởng trường
 (3) Số phòng học xây dựng mới đưa vào sử dụng trong năm học và báo cáo lần đầu

Lưu ý: Không ghi số liệu vào các ô có đánh dấu gạch chéo

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH/THÀNH PHỐ

Phụ lục 6

XẾP LOẠI HỌC LỰC HỌC VIÊN HỌC CHƯƠNG TRÌNH GD/THCS VÀ THPT

Học viên	Tổng số HV học chương trình GD/THCS cấp THCS	Chia ra				HV học chương trình GD/THCS cấp THPT	Chia ra			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
1. Học viên chia theo học lực										
- Giỏi										
- Khá										
- Trung bình										
- Yếu										
- Kém										
2. Số học viên tốt nghiệp THCS										
3. Số học viên đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT										

Handwritten mark

Phụ lục 7
XẾP LOẠI CÁC TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG

TT	Nội dung đánh giá, xếp loại	Tổng số	Trong đó xếp loại			
			Tốt	Khá	Trung bình	Yếu/Chưa đạt
1	TTHTCĐ được đánh giá, xếp loại					
2	Số xã/phường/thị trấn được đánh giá, xếp loại theo Thông tư 44					
3	Số cơ quan/đơn vị cấp huyện được đánh giá, xếp loại theo Thông tư 22					
4	Số cơ quan/đơn vị cấp tỉnh được đánh giá, xếp loại theo Thông tư 22					
Tổng						

Ghi chú: Đối với nội dung 1 xếp loại theo 4 mức Tốt, Khá, Trung bình, Yếu; Đối với nội dung 2,3,4 xếp loại theo 4 mức Tốt, Khá, Trung bình, Chưa đạt